

CHƯƠNG 16

Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-1

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Chúng tôi chuẩn bị sang nhà Hội ăn cơm chiều nay do lời mời của ông bà Xuyên, song thân của Hội.

Uyên trong chiếc áo dài màu da cam và Thi trong chiếc áo dài màu vàng chanh thanh nhã. Tôi thấy Thi đã ra dáng là một thiếu nữ thanh xuân lắm rồi.

Trông nàng hôm nay thật khác hẳn so với bóng dáng của một cô học trò hồn nhiên, tung tăng trong bộ áo dài trắng thanh khiết hàng ngày.

Tôi hỏi trêu:

- Hai công chúa đi dự dạ hội kén chồng hay sao mà diện thế?

Uyên chỉ ngay cô em:

- Anh hỏi cô công chúa này này!

Thi lườm yêu tôi:

- Anh thật lảm chuyện!

Cũng may, tôi đã không phải chờ lâu.

Cả ba chúng tôi cùng đạp xe đến nhà Hội không xa đây lắm.

Chúng tôi vừa gõ cổng thì Thư và hai đứa em trai của cô chạy vội ra, vui mừng mời vào nhà.

Nghe thấy tiếng lao xao, Hội và Mơ cũng từ trong nhà bước nhanh ra sân đón tiếp. Các cô xúm xít tay bắt mặt mừng.

Hai đứa bé trai chạy ra trước mặt chúng tôi khoanh tay lễ phép chào:

- Chúng em chào anh Nam, chị Uyên và chị Thi ạ!

Nhìn hai đứa trẻ cùng lứa tuổi với hai đứa em trai của Thi, tôi chợt nhớ lại câu chuyện Uyên mới kể hôm qua, chúng trêu Thi đến phát khóc. Tôi mỉm cười đưa tay xoa đầu hai đứa.

Thư nạt hai em:

- Lần sau hai em phải chào chị Thi là chị Nam nghe chưa!

Hai đứa trẻ chạy lại nắm tay Thi hỏi to:

- Chị Thi mới đổi tên hả?

Thi chỉ đứng cười, đỏ mặt sượng sùng nhìn tôi chưa biết trả lời ra sao. Thư hỏi hai đứa em:

- Bây giờ hai em gọi chị Mơ là gì?

- Chị Hội!

- Giỏi! Tại sao vậy?

- Vì chị Mơ sắp lấy anh Hội.

- Giỏi! Thế bây giờ hai em biết tại sao phải gọi chị Thi là chị Nam chưa?

Chúng nhìn Thi rồi lại nhìn tôi, cùng nhau vừa cười vừa nhảy lên vỗ tay:

- Em hiểu rồi ạ! Em hiểu rồi ạ! Em chào chị Nam!

Nói xong chúng kéo tay tôi và Thi băng qua con đường nhỏ lát gạch trong sân. Tất cả mọi người cùng cười ồ. Riêng Mơ, tôi thấy cô vui ra mặt, đi nép bên Hội. Họ nắm tay nhau song bước. Thư bỏ chúng tôi chạy vào nhà báo tin cho bố mẹ.

Ông bà Xuyên cùng bước ra đón chúng tôi ở ngưỡng cửa. Lên hết thêm tam cấp, chúng tôi vội chấp tay cùng cúi đầu chào:

- Kính chào hai bác ạ!

Cả hai ông bà đơn đả mời chúng tôi vào phòng khách.

Sau những câu thăm hỏi xã giao về gia đình bố mẹ chúng tôi dưới quê và việc học hành của tôi, ông bà Xuyên quay sang chuyện trò với Thi và Uyên. Hội chỉ ngồi nhìn, thỉnh thoảng mới chêm vào đôi câu lấy lệ. Mơ và Thư xin phép vào nhà trong để chuẩn bị cho bữa ăn. Uyên và Thi định đứng lên theo vào thì bà Xuyên vội ra dấu cản lại.

Bà Xuyên quả thật là một người đàn bà giỏi về giao tế. Bà chuyển từ đề tài này sang đề tài kia một cách khéo léo với vẻ cởi mở, chân tình làm thu hút sự chú ý của người nghe. Ông Xuyên ít nói, thường chỉ ngồi cười góp. Trông ông có dáng vẻ dễ dãi nhưng vẫn làm người đối thoại với ông phải dè dặt bởi sự lịch thiệp và tao nhã của một người được xuất thân từ một gia đình giàu có.

Hết chuyện nọ lại lan sang chuyện kia. Sau đôi ba lần tiếp nước cho chúng tôi, bà quay sang nói với Hội:

- Anh vào xem hai cô đã chuẩn bị cơm nước xong chưa? Anh bảo Mơ lên đây cho bố mẹ nói chuyện.

Hội đứng lên đi vào trong. Một lúc sau thấy Mơ theo Hội lên nhà trên.

Mơ đứng khép nép bên Hội:

- Thưa Mẹ, Mẹ cho gọi con ạ!

Ngước mắt lên nhìn Mơ, bà chỉ tay xuống ghế:

- Ừ, con ngồi xuống đi!

- Con xin phép Bố Mẹ!

Mơ nhìn chúng tôi rồi rón rén ngồi xuống. Hội đứng đằng sau như để hỗ trợ tinh thần cho cô.

Bà nhìn chúng tôi rồi vào đề ngay:

- Hôm nay hai bác mời các cháu sang đây dùng cơm với hai bác, thứ nhất là để cảm ơn các cháu đã làm mai, làm mối em Mơ đây cho “anh” Hội nhà bác để chúng nên vợ nên chồng. Sau nữa là để nhờ các cháu một việc quan trọng.

Bà lại ôn tồn nói tiếp:

- Hai bác dự định làm lễ hỏi cho Hội và Mơ trong tháng tới. Không biết các cháu có thể tiếp tay giúp hai bác trong việc này không?

Chúng tôi vừa nghe đến đây, cùng nhìn sững hai người. Mơ cúi mặt e thẹn, hai má ửng đỏ. Hội đặt hai tay lên vai Mơ chờ đợi câu trả lời của chúng tôi.

Chúng tôi lộ vẻ vui mừng. Uyên nhanh mồm nhất:

- Thừa hai bác được ạ! Thế thì vui quá!

Bà nhìn chúng tôi một cách rất ân cần:

- Được như thế thì tốt quá! Sự nhận lời của các cháu coi như đã giải tỏa cho hai bác một phần gánh nặng trên vai. Thú thật là hai bác đã tính nát óc mới nghĩ ra được giải pháp nhờ đến các cháu.

Bà quay sang Hội và Mơ:

- Xong việc này, anh chị phải trả ơn cho các bạn đây đây nhé!

Mơ vẫn cúi đầu e thẹn, lí nhí trong miệng:

- Thừa vâng ạ!

Hội lên giọng bô bô:

- Tớ đãi các cậu một chuyến đi chơi xa. Chịu không?

Tôi cười nói với Hội:

- Thấy hai anh chị thành vợ thành chồng là chúng tôi vui lắm rồi! Đó là phần quà lớn nhất anh chị dành cho chúng tôi đấy!

Bà Xuyên nhìn tôi rồi quay sang chồng:

- Ông nó xem, cháu Nam đây ăn nói khéo léo hơn thằng Hội nhà mình nhiều. Không biết sau khi lấy vợ, nó có khá ra không!

Mơ vẫn cúi đầu, hai bàn tay cuốn vào nhau, ngược mắt liếc nhìn Hội mỉm cười e thẹn.

Bây giờ ông Xuyên mới lên tiếng:

- Thôi, để bác nói rõ ra nhé!

Ông ngừng một chút như chờ đợi sự chú ý của chúng tôi rồi mới ân cần nói:

- Việc hai bác nhờ các cháu đây là các cháu thay mặt hai bác trong việc tiếp tay tổ chức lễ hỏi cho phía bên nhà gái. Các cháu cũng đã biết bên nhà em Mơ có những khó khăn về mặt tài chính. Công việc

này cũng tế nhị lắm nên hai bác phải trông cậy tất cả vào các cháu thôi, nhất là các cháu đây lại rất thân với em Mơ nữa.

Ông ngừng một chút rồi nói tiếp:

- Miễn là, làm sao cho đẹp cả hai họ! Em Mơ đây cũng có phần vui và hãnh diện với làng xóm. Chi phí bao nhiêu, hai bác cũng không quản ngại. Mong các cháu hiểu và giúp cho hai bác.

Chúng tôi thấy Mơ đưa tay gạt nhẹ dòng nước mắt đang chảy dài trên má. Có lẽ cô đang xúc động trước đề nghị của bố mẹ chồng tương lai.

Bà Xuyên nhìn Mơ, nói với chúng tôi:

- Em Mơ về làm dâu nhà này, một phần là do duyên số của hai đứa, một phần là do Trời Đất cũng đã dun rủ sắp xếp cho hai gia đình được nối lại tình xưa. Bác và mẹ em Mơ đây là chỗ thân thiết như hai chị em lúc còn son trẻ, bác lại còn là người chịu ơn nữa. Câu chuyện dài dòng lắm. Thôi, hôm nào bác sẽ kể cho các cháu nghe sau, chuyện cũ cũng đã mấy chục năm rồi!

Bà nói với Mơ:

- “Chị cả” xuống nói với em Thư dọn cơm lên mời khách nhé!

Mơ nghe thế, vội đứng dậy. Cô như vẫn còn bàng hoàng về những chuyện vừa xảy ra. Trên má cô còn hoen hàng nước mắt vừa mới được lau đi.

- Thưa Mẹ, vâng ạ!

Hội theo Mơ cùng đi xuống nhà dưới.

Bà mỉm cười nói nhỏ với chúng tôi:

- Thăng Hội nhà bác nó bám “vợ” nó lắm!

Bà nói tiếp:

- Thấy chúng nó yêu thương, quấn quýt nhau bác cũng mừng! Phải chi thằng Hội nhà bác đã học xong thì chắc hai bác cũng cho hai đứa làm đám cưới sớm. Được cái, em Mơ nó cũng hiền lành, ngoan ngoãn, tính tình lại thật thà, đôn hậu. Bác cho phép em Mơ gọi hai bác là “Bố, Mẹ” cho em nó an tâm. Trước sau gì cũng là con cái trong nhà. Thân phận bác lúc đi lấy chồng nào có hơn gì em nó đâu!

Ông Xuyên từ nãy đến giờ nhường lời cho vợ, nay mới mỉm cười lên tiếng:

- Con giống cha là nhà có phúc! Nó giống tôi ở chỗ là chọn vợ nghèo nhất thế gian.

Bà nhìn chồng mỉm cười:

- Phải rồi, cha con ông giống nhau!

Bà quay sang chúng tôi, chỉ vào chồng:

- “Cậu ấm” đấy! Lúc còn ở trên mạn ngược, cậu đang cưỡi ngựa thì gặp cô gái nhà quê đi buôn bị say nắng ngất xỉu bên đường. Cậu ra tay cứu giúp, thế rồi cậu đòi “cru mang” suốt đời luôn cô gái nghèo ấy. Đeo đuổi cho bằng được, nhất định đòi lấy về làm vợ. Đúng là duyên số các cháu nhĩ. Có nhiều chuyện trên đời xảy ra tưởng như trong truyện

cổ tích ấy. Ai mà biết trước được đâu. Nói ra có người không tin.

Ông cười mở tiếp lời vợ:

- Khó khăn lắm bác mới được bà ấy chịu nhận làm vợ đây. Đâu phải cứ lấy vợ nghèo, vợ nhà quê là dễ đâu. Bác đâu có quyền uy như vua Lý Thánh Tông ngày xưa. Ngài vời cô gái Ý Lan đang đứng hái dâu bên đường đến, hỏi dăm ba câu rồi cho kiệu rước về làm vợ.

Ông chặc lưỡi, nhìn vợ tủm tỉm cười:

- Thế mà cô gái quê mùa Ý Lan ấy có một thời gian trị nước hay hơn cả vua, nổi tiếng trong thiên hạ. Khi vua mất, bà còn làm *phụ chính* cho con “ở ngôi” lúc vua còn nhỏ tuổi. Ai nói nhà quê, nghèo hèn là không giỏi đâu! Trong lịch sử nước ta thiếu gì những người đàn bà như thế.

Ông quay sang chúng tôi nói thêm như có một chút gì tự mãn:

- Hai bác sống hạnh phúc với nhau được mấy chục năm nay rồi đấy!

Ông nhìn ra ngoài sân trầm ngâm với một chút suy tư trên nét mặt:

- Tuy nhiên, cái khó khăn nhất của hai bác lúc ban đầu là phải vượt qua được một số định kiến, phản ứng hẹp hòi đến trở thành phi lý, thiếu công bằng về sự nhận thức và đánh giá con người của xã

hội. Đôi khi hai bác còn phải đối phó ngay cả với chính họ hàng trong nhà mình nữa.

Ông tiếp:

- Có những cái hết sức tiêu cực của xã hội đã được “đóng khung” thành nề nếp, mọi người cứ thế mà theo. Ai làm khác đi hay nghĩ khác đi là không được. Thế hệ này rồi tiếp nối thế hệ kia chấp nhận nó một cách tự nhiên. Và mọi người coi đó như là một định luật đã được an bài.

Ông ngưng lại một chút, nói tiếp với giọng chắc nịch:

- Bác không muốn đồng tình với những hệ lụy gây ra bởi sự cố chấp, hẹp hòi và đầy sai lầm ấy. Xiềng xích của những định kiến loại này trong xã hội cần phải được quyết tâm tháo gỡ. Mình không tự cứu mình, ai giúp mình đây, để có một cuộc sống có ý nghĩa đích thực hơn!

Ông nói say sưa như để giải tỏa nỗi lòng của chính mình chất chứa lâu nay.

Tôi đồng ý với những điều ông Xuyên vừa nói *trong một giới hạn* nào đó. Tôi tự nghĩ, ông có lên án xã hội này một cách khắt khe và quá đáng chăng? Dù sao, những tiêu cực mà ông vừa nêu, chẳng qua cũng chỉ là một vài trong số những hiện tượng bị đầu độc bởi những tầng lớp xã hội thuộc giai cấp còn nặng về Nho giáo ở thời buổi nhiễu nhương này. Những tiêu cực ấy không thể coi là phổ biến để được đánh giá như làm nền tảng cho cách thức suy nghĩ

và tập tục của xã hội chúng ta. Nền văn hóa mang nặng tính chất nhân bản lấy con người làm gốc tự nghìn xưa của cha ông mình để lại mới thật sự là nền tảng cho nền văn minh tiến bộ và đóng góp vào sự trường tồn của đất nước này. Và nền văn hóa đó luôn được gìn giữ một cách trân trọng. Những khó khăn lịch sử ảnh hưởng tới xã hội luôn chỉ là nhất thời so với chiều dài của dân tộc.

Vừa đúng lúc, Thư bước ra phòng khách mời bố mẹ và ba chúng tôi sang phòng ăn dùng cơm.

Sau bữa ăn, mọi người lại trở ra phòng khách nói chuyện. Trong suốt bữa ăn, tôi và Thi đã trở thành trọng tâm để mọi người đem ra hỏi han, trêu đùa. Và cũng chính vì vậy, không khí từ đó được cởi mở hơn và những câu chuyện trở nên gần gũi, có tính cách gia đình hơn so với lúc ban đầu khi chúng tôi mới tới.

Cả nhà nói chuyện vui vẻ, tiếng cười vang lên như pháo ran. Thư sực nhớ tới buổi sinh nhật cô bạn hôm nào nên nhất định đòi tôi và Thi hát chung cho cả nhà nghe. Chúng tôi phải từ chối đến năm lần bảy lượt cô mới chịu tha cho. Những câu chuyện cứ lan man kéo dài ra mãi.

Mơ và Hội ngồi hơi xa chúng tôi một tý. Cũng vẫn chứng nào tật nấy, anh chàng cứ ngồi sát bên “vợ” như sợ ai bắt nạt hay bắt cóc đi mất. Người ồn ào nhất vẫn là Thư. Cô không tha một ai cả. Cô tuần

tự đem hết người này rồi tới người kia ra để làm đề tài chọc phá cho mọi người cùng cười. Tôi không dám đem chuyện anh chàng bạn trai thích ăn phở gánh của cô ra trêu lại vì e ngại có sự hiện diện của bố mẹ cô. Tôi đành để cô “múa gậy vườn hoang”. Thi ngồi nhìn Thư với con mắt đầy ngưỡng mộ về tài khôi hài một cách duyên dáng của cô.

Chợt thấy cuốn sách dày đặt trên bàn bên cạnh, tôi đứng dậy bước tới tò mò liếc xem cuốn sách ấy có tựa đề gì. Ông Xuyên thấy thế liền nói với tôi:

- Cuốn sách viết về sử Việt Nam đấy cháu! Hay lắm! Cháu có thể mang về mà đọc. Bác đọc xong rồi.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Thưa bác, bác nghiên cứu về sử học ạ?

- Không! Nghiên cứu thì không đúng! Bác quan tâm đến sử Việt Nam là nhiều. Sử nước ngoài bác chỉ đọc sơ qua cho biết.

Hội bước lại gần tôi giới thiệu:

- Ông “cụ” nhà mình thích đọc sách lắm. Hễ đi làm về, cụ lại lấy sách ra đọc. Chắc kiếp trước cụ là con “mọt sách” đấy!

Bà Xuyên nhìn tôi phân bua:

- Cháu thấy không! Lớn đầu mà ăn nói chẳng đâu ra đâu cả! Dám nói bố là con “mọt sách”. Không biết bao giờ mới “ra hồn” đây!

Hội gãi đầu cười cười cãi lại mẹ:

- Con nói kiếp trước mà! Các cụ ví con “mọt sách” với những người hay đọc sách. Có gì xấu đâu? Con “mọt sách” chỉ ăn sách thôi. Mấy con “mối” mới đáng sợ, nó ăn cho sập nhà sập cửa đấy mẹ.

Bà Xuyên đuổi lý:

- Chỉ “lý sự cùn” là không ai bằng! Thôi để sau này vợ anh dạy anh. Tôi chịu!

Mơ cũng cười góp vào:

- Con cũng chịu ạ! Anh ấy hay cãi “ngang càn bừa” lắm ạ!

Hội cười to:

- Càn càn nào mà chẳng nằm ngang, cứ gì “càn bừa”.

Hội nhìn Mơ hỏi:

- À! Em có biết “cây bừa” là cây gì không? Anh chịu!

Mơ cũng không vừa, nguýt yêu:

- “Cây bừa” là cây toàn nói chuyện ngang!

Cả nhà cùng cười. Tôi nhìn Thi mỉm cười khi nghe câu nói ấy của Mơ. Thi cũng cúi xuống cười tủm tỉm.

Sau dăm ba câu nói về sử Việt nam, ông Xuyên quay hỏi chúng tôi:

- Tháng trước, mấy cháu cùng với mấy đứa nhà bác đi thăm cô đô Hoa Lư. Học hỏi được gì, các cô các cậu nói cho tôi nghe nào?

Hội dơ hai tay lên trời phân bua:

- Con với Mơ học được nhiều lắm, nhưng hôm nay sao tự nhiên quên hết rồi ạ!

Thư cũng bắt chước ông anh dơ hai tay lên trời:

- Con cũng thế ạ! Bố hỏi anh Nam và chị Uyên ấy!

Ông nhìn Thi:

- Thế cháu Thi nói cho bác nghe đi nào!

Thi mặt ửng đỏ, ấp úng:

- Thừa bác... cháu...

Ông Xuyên mỉm cười:

- Bác biết rồi! Đi bên cạnh người yêu thì còn biết gì nữa đâu mà học với hỏi. Phải không?

Thi cười ngượng nghịu, gãi tai:

- Dạ... Dạ thưa bác... !

Bà Xuyên tùm tùm cười, lên tiếng bên Thi:

- Ông đừng “bắt nạt” cháu tôi nữa! Nay cháu nó học lấy chồng, học làm vợ, để con chứ học làm gì mấy cái thứ vớ vẩn ấy!

Ông Xuyên khề khà theo bản tính dễ dãi của ông:

- Không nói thì tôi hỏi vậy! Xem có ai trả lời được không nào?

Hội chòm người tới nói nhỏ với tôi nhưng cũng đủ to để mọi người cùng nghe:

- Ai bảo cậu mó vào cuốn sách ấy làm gì! Lại là cuốn sử Việt Nam nữa. Cậu khều đúng vào chỗ ngựa của “ông cụ” nhà tớ rồi!

Bà Xuyên uể oải đứng dậy:

- Thôi tôi vào trong ăn trâu đây! Các cháu cứ tự nhiên nhé!

Ông Xuyên lại khề khà cười:

- Hồi xưa thì bà ấy thích ngồi nghe tôi nói lắm!

Bà vừa đi vào nhà trong vừa nói vọng lại:

- Tôi để cho ông bốn đứa con để ngồi nghe ông nói rồi còn gì nữa!

Thư vội che miệng làm “ổng loa” nói to để bà nghe:

- Mẹ phải để thêm để “đỡ gánh” cho tụi con nữa chứ!

Bà quay đầu lại:

- Bây giờ có thêm “chị cả” (Mơ) nữa rồi đấy!

Ông Xuyên nhìn Mơ, rồi như nói một mình:

- Ừ nhỉ, thế là bây giờ mình có năm đứa con rồi đấy!

Câu nói ngắn ngủi và êm dịu ấy của ông làm mọi người im lặng, đồng hướng nhìn về phía Mơ. Mơ cúi xuống, tay bịt miệng như ngăn tiếng nấc trong cổ họng vì quá xúc động trước câu nói bất ngờ của ông. Thư chạy lại quàng vai Mơ, cúi xuống hôn nhẹ lên má “bà” chị dâu tương lai của mình. Hội vỗ nhẹ lên vai Mơ mấy cái như để vỗ về.

Ông Xuyên tăng hắng mấy tiếng. Đợi chúng tôi yên lặng, ông quay sang nói với tôi và Uyên:

- Còn lại hai cháu này, hai cháu kể cho bác nghe về chuyến “Đi thăm cố đô Hoa Lư” ấy đi!

Không thể né tránh được, chúng tôi cùng cố gắng trình bày cho ông Xuyên nghe về những gì mà chúng tôi học hỏi được ở Hoa Lư. Tôi chỉ có thể đưa ra những nét chính như một “cái khung”. Uyên là người bổ túc thêm những chi tiết quan trọng cho đầy đủ hơn theo phương cách của một nhà mô phạm (sur pham).

Sau những phút im lặng lắng nghe, mọi người đều vỗ tay khen ngợi khi tôi và Uyên vừa trình bày xong vấn đề. Ông Xuyên lên tiếng:

- Khá lắm! Khá lắm! Đúng là *đi một ngày đàng học một sàng khôn*. Các cháu gặp được cụ Từ là người địa phương lại thông hiểu cả về lịch sử lẫn văn hóa nơi cụ sinh ra và lớn lên như thế quả thật đáng quý lắm.

Ôngغمغم nghĩ một chút rồi nói tiếp:

- Lần sau các cháu có đi chơi đâu thì cho bác biết, bác sẽ giúp đỡ thêm cho. Bác làm việc cho chính phủ nên cũng thường được đi xa và quen biết nhiều.

Thư nhanh nhẩu:

- Thế bố cho chúng con đi theo được không?

- Đi theo cũng được! Xe chính phủ mà! Nhưng các con có dịp được nghỉ vào những lúc đó để đi theo bố không?

Ông ngừng lại một chút rồi đề nghị:

- Thôi thế này, nếu không theo bố được, bố sẽ gởi gắm các con đi theo với các bác trong sở cùng làm với bố.

Ông quay lại nói với chúng tôi:

- Các cháu cũng có thể cùng đi cho vui. Càng đi xa, càng học hỏi được nhiều điều các cháu à. Đừng ngại gì cả. Lấy chồng lấy vợ đến nơi cả rồi. Có con cái đùm đê cũng khó đi lắm.

Chúng tôi cùng đứng lên cảm ơn ông. Sự cởi mở và hào phóng của ông làm chúng tôi cảm thấy vô cùng gần gũi với ông lẫn trong sự kính trọng.

Ông Xuyên sai Thư:

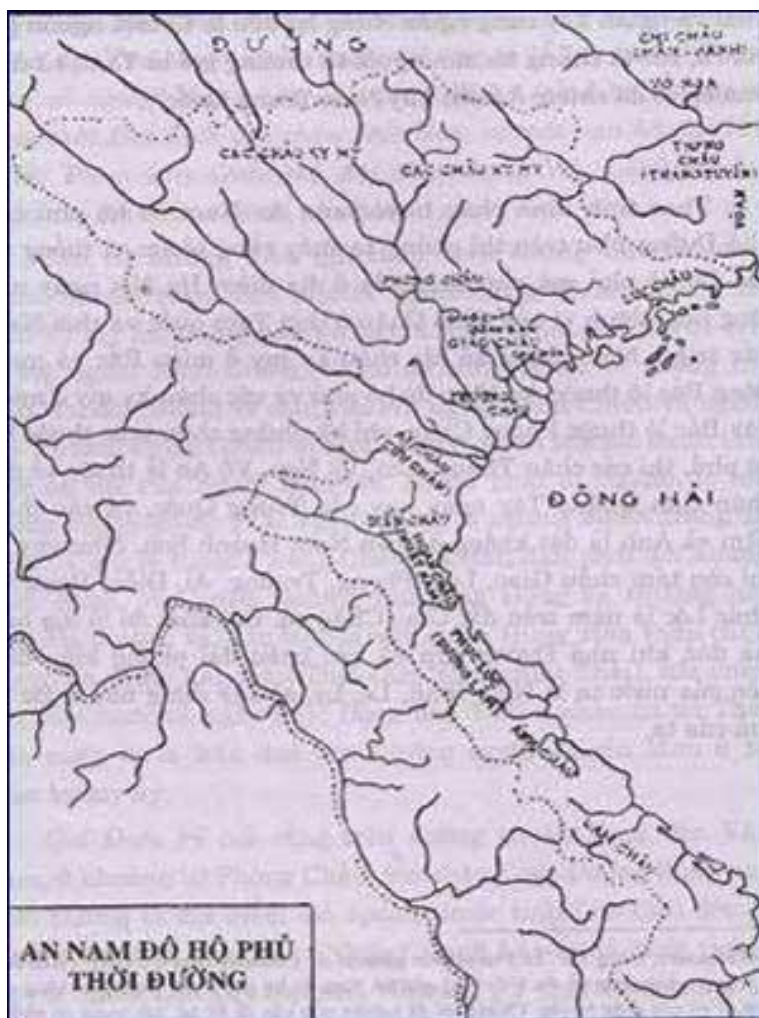
- Con vào đun thêm nước pha trà cho bố!

Mơ nhanh nhẩu đứng dậy:

- Thư! em cứ ngồi đấy đi. Để chị làm!

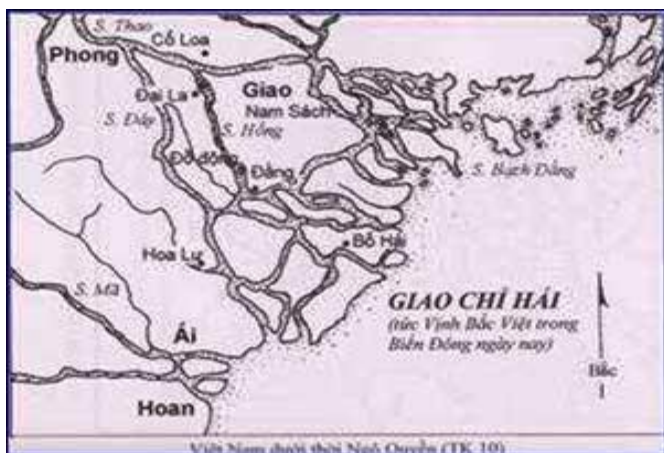
- Em cảm ơn chị!

Ông Xuyên sửa lại thể ngôi cho nghiêm chỉnh rồi bắt đầu vào đề tài *Hoa Lư*:



Bản đồ nước ta thời nhà Đường

(Nguồn: “Đất Nước Việt Nam Qua Các Đời”
của Đào Duy Anh)



Bản đồ nước ta thời Ngô Quyền (Thế kỷ thứ X)

(Nguồn: “Nhìn Lại Sử Việt” của Lê Mạnh Hùng)



Bản đồ nước ta thời nhà Đinh và Tiền Lê

(Nguồn: “Đất Nước Việt Nam Qua Các Đời” của
Đào Duy Anh)

- Những điều các cháu trình bày lúc nãy về cố đô Hoa Lư coi như cũng đã tạm đủ lắm rồi. Bây giờ bác chỉ đề cập thêm một số chi tiết cũng nên được lưu tâm. Trước hết bác muốn đóng góp với các cháu về *sự lựa chọn nơi làm kinh đô* dưới thời nhà Đinh và Tiền Lê.

Ông Xuyên cho biết.

Cứ nhìn vào bối cảnh lịch sử của đất nước ta vào thế kỷ thứ X, *ngoài việc* vua Đinh Tiên Hoàng chọn Hoa Lư làm kinh đô dựa trên địa thế thiên nhiên thuận lợi trong việc phòng thủ, ta còn có thể suy đoán thêm được một số yếu tố khác khả dĩ giải đáp được một phần nào cho câu hỏi ấy.

Tại sao không chọn đồng bằng sông Hồng hay Cổ Loa làm kinh đô?

Từ nguyên nhân xa

Kinh nghiệm của “Nghìn năm Bắc thuộc”.

Bắt đầu, ta hãy tính từ thời điểm “Lạc tộc” dưới triều đại Hùng Vương của nước Văn Lang, *kinh đô ở Phú Thọ* thuộc miền núi đồi trung du. Tộc này bị sát nhập vào với “Âu tộc” để thành nước Âu Lạc thống nhất dưới triều đại vua An Dương Vương, *kinh đô ở Cổ Loa*, là *kinh đô lần đầu tiên* nằm ở vùng đồng bằng sông Hồng⁽¹⁾.

(1) Xin đọc "Ch 5: Đi Thăm Thành Cổ Loa – Thành Cổ Loa"

Không bao lâu, Triệu Đà tiêu diệt triều đại An Dương Vương vào năm 179 trước Công nguyên (TCN). Đất nước ta bị sát nhập vào nước Nam Việt. Đây là khởi điểm của thời kỳ nghìn năm Bắc thuộc⁽²⁾.

Suốt thời kỳ Bắc thuộc, dân ta phải trải qua nhiều triều đại khác nhau của phương Bắc. Trong đó, có những triều đại thuộc *đế chế Trung ương* nằm ở Trung nguyên hay những triều đại thuộc các vương triều ở địa phương ly khai. Những đế chế hay vương triều này trực tiếp cai trị trên đất nước ta lần lượt gồm: Triệu, Tây Hán, Đông Hán, Ngô, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Tùy, Đường. Mỗi triều đều có cách cai trị riêng của họ sao cho phù hợp với tình hình, thời thế lúc đó. Nhưng tựu chung thì trọng tâm của giặc phương Bắc vẫn là cố gắng tìm cách buộc nước ta phải phụ thuộc hoàn toàn vào Trung Hoa để rồi bị đồng hóa và tiêu diệt toàn bộ nguồn gốc dân tộc Việt chúng ta.

Chính sách Hán hóa được thực hiện bằng cách tiêu diệt trước tiên mọi ảnh hưởng và quyền lực của những Lạc hầu, Lạc tướng địa phương, đồng thời chúng dựng nên những thế lực hào trưởng và quý tộc mới, có cảm tình hoặc theo hẳn người Hán để tiếp tay trong việc cai trị.

Bên cạnh đó, có những cuộc *di dân* từ phương Bắc tới, dù không ồ ạt. Trong đám di dân ấy, có một

(²) Theo quan điểm của nhà sử học Đào Duy Anh.

số quan lại bị lưu đày hay lánh nạn trong các cuộc thanh trừng, binh biến xảy ra trong nội địa nước Trung Hoa. Các thành phần trí thức này đã đem theo nền *văn minh và văn hóa Hán* vào nước ta. Đến thế kỷ thứ X, *ảnh hưởng của người Hán trong xã hội Lạc Việt đã trở nên sâu đậm, đặc biệt là vùng châu thổ sông Hồng*.

Trong suốt 1117 (179+938) năm bị trị bởi Hán tộc, nước ta dành lại được độc lập sau chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng của vua Ngô Quyền vào năm 938 Tây lịch (TL).

Ta cũng nên biết, kể từ thời vua Ngô Quyền dành được độc lập (938) đến thời kỳ vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi (968), đất nước ta mới chỉ được độc lập trong 30 năm ngắn ngủi. Trong phần lớn thời gian này, tình hình trong nước lại không ổn định. Các thế lực chia rẽ nhau, phân tán và cát cứ trên nhiều địa phương để trở thành *nạn sứ quân*.



Đến nguyên nhân gần

- Các sứ quân vào thời Đinh Bộ Lĩnh phần lớn tập trung ở vùng đồng bằng sông Hồng. Những sứ

quân này tuy bị diệt tan nhưng những tàn dư và ảnh hưởng của họ còn nhiều. Mặt khác, nạn ngoại xâm dòm ngó nước ta của nhà Tống đang trực chờ.

- Trong khi đó vùng Hoa Lư là nút chặn, là yết hầu giữa vùng Phong châu, Giao châu tức vùng đồng bằng sông Hồng với vùng phía nam thuộc Ái châu, Hoan châu tức Thanh Hóa, Nghệ An bây giờ. Giữ được Hoa Lư là giữ được Ái châu và Hoan châu.

- Ái châu và Hoan châu còn là vùng Thứ sử Đinh Công Trứ (cha của Đinh Bộ Lĩnh) trấn giữ từ thời Dương Diên Nghệ và ngay cả dưới thời vương triều nhà Ngô (Ngô Quyền). Vùng đất này được coi như vùng đất hiểm yếu của toàn quốc và là hậu cứ an toàn của Đinh Tiên Hoàng về mặt quân sự. Nơi đây có thể cung cấp nhân lực, tài lực trong những cuộc chiến tranh sau này, nếu có.

- Ái châu và Hoan châu ít bị ảnh hưởng của văn hóa phương Bắc. Do đó, sự trung thành với Đinh Bộ Lĩnh của dân chúng được đánh giá cao hơn so với vùng đồng bằng sông Hồng. Cô Loa là một dẫn chứng cho kinh nghiệm về sự thất bại của nhà Ngô dù Cô Loa kề gần quê Ngô Quyền là Sơn Tây.

- Hoa Lư là căn cứ địa vững chắc và cũng là nơi xuất phát để Đinh Tiên Hoàng tiến lên phía bắc mà không sợ ai tấn công mình ở phía nam sau lưng trong thời gian ngài đem quân ra Bắc diệt nạn sứ quân để thống nhất đất nước.

Tại sao lại không đóng đô ở thành Đại La?

- Thành Đại La nằm trong vùng châu thổ sông Hồng có những vấn đề như vừa phân tích. Và,

Đứng về mặt biểu tượng, Đại La đã từng là thủ phủ, cơ quan đầu não của hệ thống cai trị phương Bắc. Ta biết, cũng chính vì điểm này vua Ngô Quyền đã không chọn thành Đại La mà chọn thành Cổ Loa làm kinh đô. Và vì thành Cổ Loa đã từng là một biểu tượng của một vương triều độc lập dưới thời vua An Dương Vương khi chưa từng bị Bắc thuộc.

Đứng về mặt thực tế, Đại La là thủ phủ cai trị của người Hán trong nhiều thế kỷ. Do đó, nhiều thế lực tại đây còn ngưỡng vọng về phương Bắc đang nằm phục để chờ cơ hội.

- Đại La gần với biên giới Trung Hoa hơn Hoa Lư. Thế phòng thủ không vững về mặt quân sự. Trong trường hợp giặc phương Bắc tấn công, ta phải chống trả cả hai mặt “thù trong giặc ngoài” cùng một lúc.

Ông Xuyên vừa phân tích một cách cặn kẽ lý do tại sao vua Đinh Tiên Hoàng lại không cho xây dựng kinh đô ở vùng đồng bằng sông Hồng và đặc biệt là thành Đại La. Chúng tôi cảm thấy thật thích thú về sự phân tích này.

Uyên là người duy nhất trong chúng tôi đặt câu hỏi đầu tiên với ông Xuyên.

Vì lý do nào vua Lý Thái Tổ lại chọn thành Đại La làm kinh đô sau khi đổi tên thành Thăng Long?

Câu hỏi của Uyên được ông giải thích về việc dời đô về thành Đại La vào thời nhà Lý.

Sau triều Đinh và Tiền Lê kéo dài gần 50 năm, tới thời kỳ vua Lý Thái Tổ thì tình hình đất nước đã đổi khác. Ta đã tự tin vào sức mạnh của mình sau chiến thắng quân Tống của vua Lê Đại Hành. *Nền tự chủ đã vững mạnh, lòng dân đã quy về một mối.* Những thế lực ngưỡng vọng phương Bắc ở đồng bằng sông Hồng không còn chỗ dựa. Thêm vào đó, đất nước lúc đó cần một nơi có thể phát triển theo quy mô lớn. Sự dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La tức Thăng Long của vua Lý Thái Tổ là một sự sáng suốt và có tầm nhìn rất xa của một minh vương.

Ông Xuyên tỏ ra hài lòng khi ông nhận thấy chúng tôi đang say sưa nghe lời ông giảng giải và phân tích về một giai đoạn lịch sử quan trọng của thời kỳ đầu độc lập của nước nhà.

- Các cháu lĩnh hội được những điều bác vừa nói chứ?

Chúng tôi đồng thanh thưa:

- Thưa bác vâng ạ!

Ông Xuyên mỉm cười:

- Được! Tốt lắm!

Uyên chột vội lên tiếng hỏi:

- Thưa bác, bác cho cháu xin một câu hỏi ngắn ạ!

Ông Xuyên nhìn Uyên, sốt sắng trả lời:

- Cô giáo cứ hỏi đi!

- Thưa bác, trong hoàn cảnh bị trị hơn một nghìn năm như thế, *tại sao đất nước ta không bị đồng hóa* mà lại còn có cơ hội dành lại được nên độc lập và xây dựng một vương quyền vững mạnh ở Hoa Lư?

Chúng tôi nghe Uyên hỏi câu hỏi đó cùng đồng vỗ tay hưởng ứng vì đó cũng chính là những điều chúng tôi muốn biết.

Ông Xuyên vui hân lên như tìm được nguồn cảm hứng từ đám con cháu đang lắng nghe ông:

- Câu hỏi của cháu Uyên không ngắn đâu! Thôi, bác tạm tóm tắt như thế này nhé.

Tại sao đất nước ta không bị đồng hóa?

Có vài sử gia cho rằng:

- Trước tiên là sự quyết tâm của tổ tiên ta, cương quyết không muốn bị Hán hóa.

- Lưu giữ được nhiều truyền thuyết và những ký ức tự hào về tổ tiên, những vị anh hùng dựng nước.

- Nằm xa trung tâm quyền lực và dân cư Trung Quốc. Địa thế lại hiểm trở và khí hậu nhiệt đới khắc nghiệt.

- Sự di dân của người Hán vào đất nước ta không nhiều và ồ ạt như vùng Hoa Nam. Hầu hết những người nhập cư này vào Việt Nam lại dần dần hấp thụ văn hóa địa phương để trở thành gần gũi hoặc dần biến thành cư dân bản xứ (trường hợp Lý Bý tức vua Lý Nam Đế).

- Nằm trên đường giao thông hàng hải quốc tế nên được tiếp xúc những nền văn minh khác với văn minh Hán tộc. Trong đó có sự du nhập Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang nước ta rất sớm đã được coi là *đối trọng* với Nho giáo và Lão giáo của người Hán trong một thời gian dài. Phật giáo cũng là yếu tố kết hợp sự thống nhất và đoàn kết của mọi tầng lớp dân tộc trong công cuộc chống lại Bắc phương.

- Sự thành lập nước Lâm Ấp, tức Chiêm Thành sau này (thế kỷ thứ II sau Công nguyên), gồm phần đất phía nam và một phần châu quận Nhật Nam thuộc biên địa cực nam của nước ta dưới thời thuộc Hán đã là một trong những *yếu tố kích thích* tinh thần đòi độc lập của dân ta⁽³⁾.

- Tiếng nói và cấu trúc ngôn ngữ của ta khác với cấu trúc tiếng Hán. Riêng mặt *từ ngữ* thì dân ta đã Việt hóa nhiều từ vựng của Hán ngữ, đặc biệt là vào thời nhà Đường. Và cũng trong thời gian mượn nhiều Hán ngữ một cách đặc biệt vào thời Đường này để trở thành những từ *Hán-Việt*, tự nó đã đem

(3) Sẽ được trình bày chi tiết trong “*Những Năm Tháng Ấy – Chiêm Thành và Quá Trình Nam Tiến Của Dân Tộc Việt.*”

đến một hệ quả phát sinh của hai ngôn ngữ ở nước ta là Việt và Việt-Mường. Tiếng Việt chịu ảnh hưởng của Hán ngữ. Tiếng *Việt-Mường* hay còn gọi là tiếng *Việt cổ* còn giữ lại được bản chất nguyên thủy của tiếng nói thuần Lạc tộc khi xưa. Tiếng Việt-Mường vẫn còn được sử dụng ở một số dân tộc thiểu số thuộc vùng biên giới Việt-Trung ngày nay.



Văn miếu

Chúng tôi lại đồng ý tay như đồng ý với sự giảng giải của ông. Ông cười ha hả ra về tự mãn:

- Đã lâu lắm mới có những người chịu khó ngồi nghe tôi nói, nhất là khi nói về “sử nước nhà”. Nhiều người cho rằng đây là một đề tài nhàm chán. Thật sự không phải như vậy đâu. Sử học dính liền với đời sống hàng ngày của chúng ta đây. Sử học, xã hội học, ngôn ngữ học, khảo cổ học . . . nói chung là nhân văn, có liên đới, gắn bó với nhau nên nó đòi hỏi người muốn biết về *Sử* cần phải có óc tìm tòi, phán đoán một cách tinh tế và chính xác các dữ kiện liên quan. Khó chứ không dễ đâu! Khoa học kỹ thuật luôn có nền tảng lý luận chặt chẽ, chính xác, khác hẳn với khoa học nhân văn đôi khi nó mang cả tính trừu tượng và giả định.

Nghe ông Xuyên nói đến đây, Uyên tiếp lời ông:

- Thừa bác, đứng trên cương vị một cô giáo trong ngành giáo dục, cháu xin có ý kiến trong phạm vi nghề nghiệp của mình. Đất nước ta bị ngoại bang thống trị nhiều năm. Kẻ cai trị có bao giờ muốn cho dân bị trị học hỏi hoặc quan tâm về lịch sử oai hùng của dân tộc đó đâu. Họ muốn chúng ta quên đi là dân khác. Càng không biết càng tốt. Đứng cả về mặt văn hóa cũng vậy.

Uyên ngừng lại một chút, nhìn chúng tôi như để dò xét phản ứng rồi mới nói tiếp:

- Cháu e ngại, chương trình giáo dục mới của chúng ta lại theo nề nếp có sẵn của ngoại bang mà sao chép phương thức nguy hiểm này. Môn Sử sẽ lại tiếp tục bị đánh giá thấp so với các môn học khác. Và tất nhiên, học sinh càng ngày càng sẽ lơ là với môn Sử nước nhà. Văn hóa dân tộc trong đó có văn học nghệ thuật cũng cùng chung số phận!

Uyên nhìn thẳng vào ông Xuyên như chỉ nói riêng với ông:

- Sử học, văn học, nghệ thuật truyền thống... là những yếu tố, là những xúc tác quan trọng kích thích lòng yêu nước. Và cũng nhờ vào đó chúng ta mới biết được ngày xưa ông cha ta đã gìn giữ và phát triển đất nước như thế nào để học hỏi, để noi theo.

Sau khi Uyên nói xong, ông Xuyên nhìn nàng một cách chăm chú. Ông không góp ý thêm mà chỉ ngồi gật đầu. Mọi người im lặng.

Hội chột lên tiếng hỏi. Mọi người trở mặt nhìn Hội vì ai cũng nghĩ anh vốn là người vô tâm, ít quan tâm đến những vấn đề dễ gây tranh cãi này. Anh có ngồi nghe âu cũng chỉ vì chiều lòng mọi người. Ấy thế, câu hỏi của Hội đã làm ông Xuyên phải nặn đầu suy nghĩ một chút trước khi trả lời.

Tại sao trong thời kỳ bị đô hộ, nước ta lại có thể có những thế lực mạnh cát cứ tại nhiều địa phương ở châu thổ sông Hồng một thời gian dài để đưa đến nạn sứ quân sau này?

Ông Xuyên cho đây là một câu hỏi rất hay.

Các nhà sử học cho rằng tình trạng này xảy ra có lẽ khởi nguồn vào thời kỳ quân Nam Chiếu sang xâm chiếm An Nam (tên đặt cho nước ta dưới đời nhà Đường). Nam Chiếu là đất nước của những người thiểu số ở vùng Vân Nam, Quý Châu hiện nay. Một thời, vào cuối nhà Đường, Trung Hoa suy yếu, Nam Chiếu là một vương quốc hùng mạnh trong vùng.

Năm 862, người Nam Chiếu tức vương quốc Đại Lý đã mở cuộc đại tấn công vào An Nam và chiếm An Nam Đô hộ phủ. Quan cai trị nhà Đường phải bỏ chạy về Tàu. Thế lực nhà Đường đang nằm ở vào thời kỳ suy thoái ngay tại chính quốc nên sự chống đỡ với quân Nam Chiếu ở An Nam rất yếu ớt. Nhiều cuộc điều binh của nhà Đường sang nước ta chống quân Nam Chiếu đã không thành công. Có những thành phần trong nước ta đã nhân dịp này liên



minh với quân Nam Chiếu để đánh đuổi người Hán
hầu giành lại độc lập. Nhưng tiếc thay, khi người
Nam Chiếu đuổi được người Hán ra khỏi An Nam
thì họ lại dùng chính sách cướp bóc và giết hại dân
ta rất nhiều. Cự Đường thư kể lại : “*Dân chúng
trốn nạn ra ở các hang động khe núi. . . Một số hào
kiệt đã xuất hiện trong đám lưu dân bảo vệ cho dân
chống lại sự cướp phá của giặc*⁽⁴⁾”.

(⁴) "giặc" đây tức quân Nam Chiếu.

Có lẽ các lực lượng địa phương của các hào kiệt đã được thành lập trong giai đoạn “họa Nam Chiếu” này và tiếp tục cho tới khi Cao Biền được gửi sang đánh đuổi quân Nam Chiếu ra khỏi đất nước ta vào năm 864. Từ đó, trong tư thế nhà Đường ngày càng suy yếu nên các quan cai trị sở tại đã phải dùng chính sách cai trị mềm dẻo. Chính vì thế những lực lượng địa phương có cơ hội còn tồn tại cho đến ngày nước ta thật sự độc lập vào năm 938 của vua Ngô Quyền.

Và một lý do nữa khiến cho các thế lực địa phương phát triển mạnh được do dựa vào kinh nghiệm sau việc thất bại trong cuộc liên minh với quân Nam Chiếu, dân ta không còn tin tưởng vào sự trợ giúp từ bên ngoài và cũng không trông cậy vào sự bảo vệ từ phương Bắc nên đã quay về tin vào sức mạnh của chính mình qua các thế lực địa phương.

Nghe ông Xuyên giảng giải đến đây, chúng tôi lại vỗ tay. Ông sung sướng cười to.

Mơ đứng dậy thưa:

- Xin Bố tạm nghỉ một chút ạ! Con xin mời Bố Mẹ và mọi người ăn chè con nấu. Để con vào trong mời Mẹ ra.

Thư không đợi mọi người lên tiếng vội vỗ tay hoan hô:

- Hoan hô chị Hội! Để em vào phụ chị nhé!

Mơ vội ngăn lại:

- Chị làm một mình được mà!

Tuy Mơ nói thế, nhưng cả Thư, Uyên và Thi cùng đứng dậy theo Mơ vào nhà trong. Chỉ một thoáng sau những bát chè nóng được bung ra đặt trên bàn. Bà Xuyên lẹ xệp đôi dép bước ra.

- Mùi chè khoai từ thơm quá! “Chị cả” nấu hả?

Thư nhanh nhẩu trả lời:

- Con! Con nấu!

Bà cười:

- Đừng nhận vơ! Tôi biết cô con gái của tôi quá mà. Chỉ được giỏi cái miệng!

Mơ nháy Thư, tủm tủm cười:

- Chị sẽ chỉ cho em nấu. Dễ lắm!

Thư vỗ tay nịnh:

- Em cảm ơn chị! Chị em giỏi quá!

Cả nhà cùng ngồi ăn chè. Vừa ăn bà Xuyên vừa nhìn chồng:

- Gớm! Lúc này ông nói chuyện gì mà cả nhà vỗ tay ầm lên thế!

Uyên đỡ lời ông:

- Thưa bác, bác trai đang giảng giải cho chúng cháu về thời ông Đinh Bộ Lĩnh đấy ạ!

- À, cái ông vua hồi còn nhỏ đi chăn trâu ấy chứ gì. Chăn trâu cho chú mà lại giết trâu đem khao bạn,

rồi cắm cái đuôi trâu vào đất nẻ. Xong, về nhà nói dối chú là trâu chui xuống đất mất rồi. Hư quá! Phải truyện đó không?



Hình minh họa (Việt Sử bằng tranh)

Chúng tôi đồng vỗ tay:

- Dạ! Thưa bác đúng truyện đó rồi đây ạ! Bác nhớ quá!

Bà được chúng tôi khen nên cười thật tươi:

- Nghe ông ấy kể mãi rồi cũng phải thuộc!

Ông Xuyên chỉ ngồi im lặng ăn chè, nhìn bà tủm tỉm cười.

Đợi mọi người ăn xong. Hội đồng đặc tuyên bố:

- Các cô dọn ra, tôi xin tình nguyện dọn vào!

Bà Xuyên lườm yêu cậu con trai cả của bà:

- Gớm sao bây giờ “anh” thay đổi nhanh thế! Thương vợ cực khổ nên mới chịu mót tay đây mà. Bây giờ thì thương thế đấy, sau này “vợ anh” nó mách tôi là anh mè o mớ với ai hay theo đòi cảnh

năm thê bảy thiếp là anh chết với tôi. Một vợ một chồng thôi nghe chưa!

Hội đứng lên giả vờ khom lưng, cúi đầu xuống, tay gãi đầu gãi tai thưa:

- Thưa... Con nghe rõ rồi ạ!

Thấy Hội đóng kịch làm cả nhà cùng cười.

Mơ nhìn bà Xuyên:

- Nếu anh ấy hư con sẽ mách Mẹ để Mẹ đánh cho anh ấy một trận ạ!

Nghe Hội tình nguyện dọn vào, âu đó cũng chỉ là cách nói đùa vậy thôi. Tất cả các cô cùng vội đứng dậy dọn dẹp sạch sẽ rồi ai nấy quay trở lại ngồi vào chỗ của mình để nghe ông Xuyên nói chuyện tiếp.

Ông Xuyên cao giọng:

- Nhân việc nhắc tới chuyện “*năm thê bảy thiếp*”, bác mở một dấu ngoặc ở đây để nói về vấn đề “*nhiều vợ*” xảy ra vào thời triều Đinh và Tiền Lê nhé.

Có vài sử gia cho rằng để mở rộng quan hệ với nhà Ngô vì còn được dân chúng ngưỡng mộ qua hình ảnh của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh đã dùng sự liên hệ gia đình bằng cách lấy mẹ của Ngô Nhật Khánh làm vợ; gả con gái mình cho Ngô Nhật Khánh và đồng thời đem con trai mình là Đinh Liễn gả cho em gái của Ngô Nhật Khánh (Ngô Nhật

Khánh là một trong 12 sứ quân, thuộc dòng dõi nhà Ngô⁽⁵⁾).

Sự liên minh qua liên hệ gia đình được áp dụng tiếp nối từ Đinh Tiên Hoàng đến Lê Đại Hành, cả hai, mỗi người 5 vợ đều được phong Hoàng hậu. Đến Lý Thái Tổ cũng 5 người vợ nhưng chỉ có một Hoàng hậu. Mỗi người vợ đều mang một lý do chính trị khác nhau. Sử gia Lê Văn Hưu, thuộc giới Nho học sau này, trong Đại Việt Sử ký có chê trách sự việc nhiều vợ của các vị vua trên vì cho rằng các vị vua ấy đam mê sắc dục: *“Tiên Hoàng không kê cứu cổ học, mà bày tôi đương thời không ai biết giúp sửa cho đúng, để đến nỗi say đắm trong tình riêng, cùng lập 5 Hoàng hậu. Sau đến hai triều Lê, Lý cũng phần nhiều bắt chước làm theo, ấy là do Tiên Hoàng khởi xướng sự rối loạn thứ bậc ấy vậy”*.

Thực ra, ngay cả suốt triều Lý lẫn triều Trần sau này đã đều dùng sự liên hệ gia đình để tạo liên minh bằng cách gả các công chúa cho những tù trưởng miền thượng du để canh phòng an ninh ở vùng biên giới Việt-Trung. Chính sách này rất hữu hiệu trong những trận chiến với quân Tống vào đời nhà Lý. Riêng nhà Trần cũng đã gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân để phục vụ cho hòa bình ở vùng biên giới giữa hai nước Việt-Chiêm và đồng thời nhà Trần nhận được hai châu Ô, Lý của Chiêm Thành làm của hồi môn. Hai châu Ô, Lý nay thuộc Thừa Thiên.■

(5) Xin xem Chương VII, phần 4 "Phụ Lục."